

PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CỦA VIỆC TRỒNG CAM SÀNH CỦA NÔNG HỘ TẠI TỈNH HẬU GIANG

Trần Thụy Ái Đông¹, Thạch Kim Khánh^{2,*}

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích hiệu quả tài chính của việc trồng cam sành của nông hộ ở tỉnh Hậu Giang. Số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 209 nông hộ trồng cam sành theo phương pháp chọn mẫu hạn ngạch. Phương pháp phân tích chi phí - doanh thu (cost – return analysis) được sử dụng để phân tích hiệu quả tài chính của việc trồng cam sành của nông hộ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mô hình sản xuất cam sành ở tỉnh Hậu Giang đạt hiệu quả về tài chính. Lợi nhuận bình quân của nông hộ trồng cam sành là 30.055,53 nghìn đồng/1.000 m². Tỷ suất doanh thu/chi phí là 3,57 lần, tỷ suất lợi nhuận/doanh thu là 0,72 lần và tỷ suất lợi nhuận/chi phí là 2,57 lần. Thời gian hòa vốn của nông hộ trồng cam sành ở tỉnh Hậu Giang là 2,63 năm.

Từ khóa: *Hiệu quả tài chính, sản xuất cây lâu năm, phân tích chi phí - doanh thu, cam sành.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh sản xuất nông nghiệp hòa nhập kinh tế thị trường, sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa có tính chuyên biệt, tập trung cao phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu, tỉnh Hậu Giang đã tập trung nhiều giải pháp để phát huy thế mạnh về nông nghiệp, đặc biệt là cây ăn trái có múi có phẩm chất ngon như bưởi Năm Roi Phú Hữu, cam sành... Phát triển kinh tế vườn đã góp phần cải thiện đời sống cho nông dân và góp phần tích cực vào việc hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Cam sành (*Citrus sinensis*) là giống cây ăn quả thuộc chi Cam chanh, có nguồn gốc từ Việt Nam. Cam sành có phẩm chất trái thơm ngon và có nhiều chất dinh dưỡng, trồng được ở nhiều loại đất.

Hậu Giang là tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), nằm ở hạ lưu sông Hậu, có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt và đất đai màu mỡ, phì nhiêu nên rất thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, trồng cây ăn trái. Diện tích vườn cây ăn trái ở Hậu Giang là hơn 29.000 ha với sản lượng khoảng 262.095 tấn/năm, trong đó diện tích cây có múi chiếm 46,5%. Năm 2017, toàn tỉnh Hậu Giang có 11.163 ha đất trồng cam sành, trồng tập trung ở các địa phương như: Huyện Châu Thành, huyện Phụng Hiệp và thị xã Ngã Bảy. Đây là tỉnh có diện tích đất trồng cam sành

lớn nhất khu vực ĐBSCL. Tuy nhiên, diện tích cam sành ở tỉnh Hậu Giang đang có chiều hướng bị thu hẹp do dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhất là bệnh vàng lá Greening gây thiệt hại nặng nề cho các vườn cam. Mặt khác, việc sản xuất cam sành của phần lớn nông hộ ĐBSCL nói chung và tỉnh Hậu Giang nói riêng vẫn mang tính đặc thù là manh mún, quy mô nhỏ và chưa ứng dụng nhiều kỹ thuật hiện đại vào sản xuất nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến năng suất, sản lượng và thu nhập của người trồng [4]. Việc sử dụng tiết kiệm, hợp lý các yếu tố đầu vào (đặc biệt là các yếu tố quan trọng như cây giống, phân bón, thuốc nông dược), cũng như việc tính toán hiệu quả tài chính trong suốt vòng đời của cây cam sành làm cơ sở ra quyết định sản xuất, cải thiện hiệu quả cho việc phát triển bền vững trong dài hạn. Chính vì vậy, đo lường và phân tích hiệu quả tài chính của hoạt động trồng cam sành ở tỉnh Hậu Giang là cần thiết và đã được thực hiện trong nghiên cứu này.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 209 nông hộ trồng cam sành tại 3 khu vực, gồm: thị xã Ngã Bảy, huyện Châu Thành và huyện Phụng Hiệp của tỉnh Hậu Giang. Do không có sẵn danh sách đầy đủ nông hộ trồng trong địa bàn nghiên cứu nên phương pháp chọn mẫu theo hạn ngạch được vận dụng trong nghiên cứu. Đã thực hiện phỏng vấn dựa theo bảng câu hỏi được thiết kế sẵn để thu thập các thông tin về chủ hộ, yếu tố sản xuất, sản lượng và giá đầu ra, chi phí sản xuất, những

¹ Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

² Cục Thuế tỉnh Trà Vinh

*Email: tkkhanh189@gmail.com

thuận lợi và khó khăn trong quá trình sản xuất. Đối tượng được chọn để phỏng vấn là người trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc người trực tiếp đưa ra quyết định trong quá trình sản xuất (gọi chung là chủ hộ), vì những người này có khả năng cung cấp thông tin, chính xác và cụ thể nhất về hoạt động sản xuất của nông hộ.

Ngoài ra, nghiên cứu còn thu thập số liệu thứ cấp là báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hậu Giang về tình hình sản xuất sản phẩm cam sành, các công trình nghiên cứu khoa học và một số website liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

2.2. Phương pháp phân tích

Phương pháp phân tích chi phí doanh thu (cost – return analysis) được sử dụng để phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng cam sành ở tỉnh Hậu Giang. Các chỉ tiêu tài chính được sử dụng bao gồm:

- Chi phí: là toàn bộ số tiền mà đơn vị sản xuất chi ra cho hoạt động sản xuất kinh doanh để tạo ra sản phẩm.

Chi phí = (1) Chi phí cố định + Chi phí hàng năm.

Trong đó: (1) Chi phí cố định = Khấu hao giá trị vườn cây:

Giá trị vườn cây: được tính bằng toàn bộ chi phí đầu tư trong năm 0 (kiến thiết vườn) và năm 1. Dòng tiền chi ra trong năm 0 và năm 1 này sẽ được đưa về giá trị hiện tại ở thời điểm nghiên cứu là năm 2017. Giá trị của vườn cây được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao là số năm khai thác dự kiến (theo tình hình sản xuất thực tế của địa bàn nghiên cứu tỉnh Hậu Giang).

Mức tỷ suất chiết khấu là 8%, đây là mức lãi suất cho vay trung bình của các ngân hàng thương mại trên địa bàn tại thời điểm nghiên cứu.

(2) Chi phí hàng năm = Chi phí phân bón + Chi phí thuốc bảo vệ thực vật + Chi phí lao động + Chi phí sửa chữa + Chi phí năng lượng + Chi phí khác:

Chi phí lao động trong nghiên cứu này bao gồm chi phí lao động gia đình và chi phí lao động thuê. Giá ngày công lao động gia đình với từng công việc cụ thể được tính bằng giá lao động thuê tương ứng với công việc đó tại từng địa bàn nghiên cứu.

- Doanh thu: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế (được biểu hiện bằng tiền) mà đơn vị sản xuất thu được khi bán các sản phẩm và dịch vụ của mình.

Doanh thu = Sản lượng sản phẩm x Giá bán bình quân.

- Lợi nhuận: là chỉ tiêu hiệu quả kinh tế có tính tổng hợp phản ánh kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất. Lợi nhuận = Doanh thu – Chi phí.

- Tỷ suất lợi nhuận/chi phí: đo lường lợi nhuận của việc trồng cam sành của nông hộ thu được khi bỏ ra một đồng chi phí đầu tư.

- Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu: đo lường lợi nhuận của việc trồng cam sành của nông hộ trong một đồng doanh thu từ việc bán cam sành.

- Tỷ suất doanh thu/chi phí: đo lường tổng số tiền nông hộ thu được từ việc trồng cam sành khi bỏ ra một đồng chi phí đầu tư.

Thời gian hoàn vốn: Do vòng đời cam sành khá dài nên các nông hộ khó có thể nhớ được năng suất và chi phí cụ thể của từng năm. Để có thể tính thời gian hoàn vốn của mô hình sản xuất cam sành, đề xuất các giả định sau: (1) Cây cam sành có vòng đời 7 năm tuổi, cây bắt đầu cho trái từ năm thứ 2 trở đi cho đến hết năm thứ 7; (2) Chi phí của năm 0, năm 1 được quy về giá trị của năm 2017 với lãi suất chiết khấu 8%/năm; (3) Doanh thu và chi phí của năm thứ 2, 3, 4, 5, 6, 7 lần lượt bằng với doanh thu bình quân và chi phí bình quân của cây cam sành 2, 3, 4, 5, 6, 7 năm tuổi ở năm khảo sát.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Mật độ trồng và lượng phân bón được sử dụng

Mật độ trồng có ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển, năng suất và chất lượng trái cam sành, việc trồng dày có thể khiến cho vườn cam sành xuất hiện nhiều loại sâu, bệnh [1]. Kết quả khảo sát cho thấy, mật độ trồng cam sành bình quân của nông hộ ở tỉnh Hậu Giang là 227,48 cây/1.000 m², trong khi mật độ trồng theo khuyến cáo của Trung tâm Khuyến nông tỉnh Hậu Giang (2017) là 167 cây/1.000 m² [3], nghĩa là nông hộ đã trồng dày hơn 36,22% so với khuyến cáo. Điều này phản ánh đúng thực tế rằng, nông hộ trồng cam sành có xu hướng trồng với mật độ dày hơn, trồng thâm canh để có thể đạt năng suất cao trong những năm đầu và thu hồi vốn nhanh. Tuy nhiên, điều này dẫn đến sức đề kháng của cây bị giảm đi, sâu, bệnh xuất hiện nhiều và nông hộ phải phun thuốc bảo vệ thực vật nhiều hơn [2].

Bảng 1. Mật độ trồng và lượng phân bón được sử dụng trong sản xuất cam sành ở tỉnh Hậu Giang

Khoản mục	Theo khuyến cáo	Thực tế khảo sát
Mật độ trồng (cây/1.000 m ²)	167	227,48
Lượng phân đạm N (g/cây/năm)	330 - 540	213,43
Lượng phân lân P ₂ O ₅ (g/cây/năm)	480 - 600	218,74
Lượng phân kali K ₂ O (g/cây/năm)	160 - 230	117,68

Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả, năm 2018

Trong nghiên cứu này, hàm lượng nguyên chất của các loại phân bón vô cơ được tính bằng lượng phân hỗn hợp nông hộ sử dụng nhân với tỷ lệ % N, % P, % K có trong hỗn hợp các loại phân bón mà nông hộ dùng trong quá trình trồng cam sành như: urea (46,3% N), DAP (18% N - 46% P), kali (55% K), lân

(16% P), NPK 20 - 20 - 15 (20% N - 20% P - 15% K), NPK 16 - 16 - 8 (16% N - 16% P - 8% K)... Kết quả khảo sát cho thấy, lượng phân đạm N nguyên chất được sử dụng trên cây cam sành là 213,43 g/cây/năm, lượng phân lân P₂O₅ nguyên chất được sử dụng là 218,74 g/cây/năm và lượng phân kali K₂O nguyên chất được sử dụng là 117,68 g/cây/năm. Nhìn chung, tất cả các loại phân bón vô cơ đều được nông hộ sử dụng thấp hơn mức khuyến cáo [3] nên năng suất và chất lượng cam sành của nông hộ chưa cao.

3.2. Chi phí sản xuất cam sành

3.2.1. Chi phí sản xuất năm 0

Chi phí đầu tư của năm đầu tiên được xác định là chi phí năm 0 của dự án sản xuất cam sành khi đưa giá trị về năm 2017. Cam sành là cây lâu năm chi phí ban đầu là khá lớn và công tác chuẩn bị cho việc trồng ban đầu rất quan trọng. Chi phí bao gồm: chuẩn bị đất, giống, phân bón, vôi và lao động được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Chi phí đầu tư năm 0 cho sản xuất 1.000 m² cam sành ở tỉnh Hậu Giang

Đơn vị: nghìn đồng/1.000 m²

Khoản mục	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Chi phí chuẩn bị đất	4.252,77	1.697,39	1.345,85	10.511,35
Chi phí giống	3.663,50	1.014,44	1.469,85	7.812,30
Chi phí phân bón	389,37	549,37	0,00	2.929,61
Chi phí vôi	243,31	208,11	0,00	830,06
Chi phí lao động của gia đình	302,30	203,69	0,00	1.302,05
Chi phí thuê lao động	176,79	157,92	0,00	813,78
Tổng	9.028,04			

Tổng chi phí sản xuất cho năm đầu tiên trung bình là 9.028,04 nghìn đồng/1.000 m² (Bảng 2). Trong giai đoạn này, chi phí làm đất là 4.252,77 nghìn đồng/1.000 m² và chi phí giống là 3.663,50 nghìn đồng/1.000 m² là khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất.

3.2.2. Chi phí sản xuất năm 1

Bắt đầu từ năm 1, vườn cây cam sành của nông hộ đã định hình, bên cạnh chi phí lao động chăm sóc thì các nông hộ phải đầu tư phân bón để cung cấp dinh dưỡng nhằm kích thích cam sành sinh trưởng

Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán của tác giả, 2018 tốt và phải đầu tư thuốc bảo vệ thực vật nhằm phòng ngừa hoặc điều trị và các loại sâu, bệnh. Tổng chi phí sản xuất cam sành ở năm 1 của nông hộ ở tỉnh Hậu Giang được khảo sát trung bình là 9.235,30 nghìn đồng/1.000 m² (Bảng 3). Trong đó: tổng chi phí lao động của gia đình trong năm 1 bình quân là 2.968,61 nghìn đồng/1.000 m² (chiếm 32,14%), chi phí phân bón vô cơ và phân bón hữu cơ đầu tư cho hoạt động sản xuất cam sành lần lượt là 2.221,56 nghìn đồng/1.000 m² (chiếm 24,06%) và 226,67 nghìn đồng/1.000 m² (chiếm 2,45%). Khấu hao giá trị vườn